

CA NHẠC TRONG HẦU BÓNG

DUỆ ANH

1. Nghi lễ hầu bóng

Hầu bóng là một hình thức quan trọng của tín đồ Tứ Phủ cung nghinh các vị thánh Tứ Phủ giáng lâm để cầu xin các Ngài phù hộ độ trì (1).

Tứ Phủ gồm *Thiên Phủ* (miền trời), *Nhạc Phủ* (miền rừng), *Thoải Phủ* (miền nước) và *Địa Phủ* (miền đất).

Hàng năm, mỗi một thanh đồng phải tiến hành 4 vấn hầu (4 lần hầu) thường lệ: lễ Thượng Nguyên (tháng giêng), lễ Nhập Hạ (tháng tư), lễ Tán Hạ (tháng bảy), lễ Tất Niên (tháng chạp). Đây là chưa kể những lễ khác, như lễ Hạp ấn (25 tháng chạp), lễ hầu xông đèn (sau lúc giao thừa), cùng nhiều lễ hầu cho những ngày tiệc(2) của các thánh. Tất cả những lễ này đều tính theo âm lịch.

Chủ trì buổi hầu bóng là *thanh đồng*(3). Thanh đồng ngồi trước ban công đồng (trong điện thờ Tứ Phủ), làm *ghế* cho các thánh nhập hồn. Lúc thánh nhập là lúc người ngồi đồng được thần linh mượn làm cái *giá* để *bóng* (hồn) của mình *cưỡi* lên. Hầu bóng là triệu thỉnh bóng các vị thánh thuộc tín ngưỡng Tứ phủ và châu hầu các vị thánh đó.

Hai bên thanh đồng có 2 người *hầu dâng* (còn gọi là *tiếp giá*). Người ngồi bên tả, gọi là *tay tả*. Người ngồi phía hữu, gọi là *tay hữu*. Tay tả, chuyên lo về trang phục, nên còn gọi là *tay áo*, *tay hữu*, chuyên lo việc tiến hương, nên còn gọi là *tay hương* (4).

Châu hầu, có đồng đảo con nhang đệ tử và người tín tâm, để thỉnh cầu thánh phù hộ và xin lộc (5).

Vai trò quan trọng trong lễ hầu bóng là *cung vãn* (6). Họ hát, thường có nhạc phụ họa, để KIỀU THỈNH, NÂNG BÓNG và TIẾN BIỆT các vị thánh.

Kiều thỉnh: dâng văn thỉnh mời vị thánh nào đó giáng lâm.

Nâng bóng: giúp vị thánh đó *tỏa bóng*. Nghĩa là làm cho thánh giáng đồng được đẹp, uy nghi, linh hoạt.

Tiến biệt: rước thánh xa giá hồi cung(7).

Sau những nghi thức cúng khấn cùng việc dâng văn thờ mở đầu lễ hầu, lần lượt cung thỉnh các vị thánh theo tuần tự từng hàng:

- Tam tòa Thánh Mẫu

1. Người *có cần, có mạng* Tứ Phủ, tin theo Tứ Phủ, gọi là *con nhang đệ tử*. Một thủ tục bắt buộc để được vào hàng đệ tử là *đội bát nhang - tôn nhang*. Đền phủ nơi đệ tử đội bát nhang, gọi là *chốn tổ*.

2. Đơn cử: Tiệc Quan Tam Phủ (24/6), tiệc Ông Hoàng Bày (17/7), tiệc Trần Triều (20/8), tiệc Đức Vua Cha (22/8), tiệc Châu Lục (9/9), tiệc Ông Hoàng Mười (10/10)... Ngoài ra, còn những dịp hành hương (có thể hầu) những đền phủ danh tiếng. Thường hành hương nhiều nhất vào mùa xuân, không nằm trong tính chất ngày tiệc của vị thánh được thờ ở đền phủ đó. Người ta hành hương đến nhiều đền phủ trong chuyến đi này.

3. Thanh đồng: người đồng phẩm cách trong sạch. Tuy nhiên, vốn xưa, chỉ có nam thiếu niên mới ngồi đồng. Về sau, đồng có thể là con gái dưới 15 tuổi. Đến một lúc nào đó, như hiện nay, người lớn tuổi cũng ngồi đồng được. Dầu vậy, khi làm giá cho thánh, họ tự coi mình cũng ngoan ngoãn, ngây thơ, trong trắng như trẻ nhỏ. Nguyên nghĩa của thanh đồng là trẻ con mặc áo xanh (tiên đồng) theo hầu các vị thần tiên.

4. Trang phục mỗi vị thánh đều có qui định riêng biệt, tùy theo vị đó thuộc hàng nào, phủ nào, nghĩa là thứ bậc của thánh đó trong Tứ Phủ. Bởi vậy, khi vị thánh nào đó nhập, *tay áo* phải *dâng, thay và chỉnh đốn* trang phục hầu Ngài. *Tay hương* còn là người dâng các lễ vật, đạo cụ cho từng vị thánh. Tuy chức phận như vậy, song *tay tả*, *tay hữu* vẫn giúp việc cho nhau.

Nếu bố trí 4 người hầu dâng, thì gọi là *tứ trụ*. Nếu có 8 người dâng là *bát trụ*.

5. Gồm những ai cùng *cơ cảnh*: con nhang, đồng trò, bạn bè, thân thích.

6. Cung vãn: hát châu các bản vãn, cung hiến các thánh. Góp phần, qua nghe vãn, các thánh thấu rõ sự sùng tín cùng sự cầu xin của người phàm mà mở lòng ban lượng.

7. Vì lý do nào đó, không mời được cung vãn, bắt đặc dĩ phải hầu suông, gọi là *hầu vô*. Như vậy rất *ui đồng, ui bóng*. Hoàn cảnh đó, con đồng sẽ ngồi chiếu giữa lam ghế, phải nhờ người khác kêu thay, lay đỡ. Người đó có thể là pháp sư. (*Pháp sư* chuyên việc làm bài vị, viết sớ, tấu đối, cúng kiếng... trước khi hầu, ví dụ lễ thí thực cho chúng sinh...)

- Ngũ vị Tôn Ông (nói cách khác: Ngũ vị Quan Lớn)

- Thập nhị Châu Bà (1)

- Thập vị Ông Hoàng

- Thập nhị Thánh Cô

- Thập nhị Thánh Cậu

Mỗi vị thánh giáng, gọi là 1 giá. Trong buổi hầu thường có nhiều vị thánh chỉ *giáng mà không nhập* (đảo đồng, đưa tay làm dấu báo danh hiệu của mình, không tung khăn mở diện (2), nghe văn một lát rồi thăng), người ta gọi là *hầu trắng mạn* (còn gọi là *hầu trắng bóng*). Bao giờ cũng vậy, hàng các Thánh Mẫu cũng chỉ giáng theo hình thức đó.

Ngoài ra, với những thanh đồng có căn *Trần Triều* (hoặc những hoàn cảnh đặc liệt, ví dụ căn trấn áp ma quỷ) còn thỉnh các vị thánh Trần Triều (3). Thỉnh Trần Triều tiếp ngay sau 3 giá Mẫu.

Buổi hầu *khóa đèn* cuối năm để sắp án, cất vào hòm án - nghỉ việc, ăn tết, người ta còn thỉnh Quan Ngũ dinh (5 ông Hồ)(4) và Đôi Ông Lốt (đôi Thánh Rắn)(5). Hầu các giá này, ý để trông đèn(6).

Trong đời các thanh đồng còn có các mốc quan trọng khác:

- *Lễ trình đồng*. Về sau, nếu lập điện riêng, tổ chức hầu ở điện mới lập(7).

- *Lễ mừng đồng*: sau mấy năm ra đồng, tùy điều kiện, tựa như lễ kỉ niệm.

- *Lễ giải đồng*, thường vì già yếu, không theo được việc thánh. E mắc lỗi, thanh đồng xin phép Tứ Phủ, làm lễ tẩn điện, rước các thánh, nhập vào một điện khác. Nếu có *thổ*, tiến hành 2 cuộc hầu ở 2 nơi (ở điện sắp tẩn và ở điện sắp nhập).

Lễ trình đồng thực hiện khi *đồng tân ra đồng*. Lễ này rất uy nghi, gọi là *lễ mở phủ*, gồm cả *thỉnh Phật, tuyên kinh, cung nghinh Tứ Phủ, xuất thủ trình đồng*. Bởi vậy, ngoài việc *đem trước* người ta phải làm *lễ phát tấu*, cáo quá Thiên Đình và *tiến mã*, thì nội dung

của hôm sau là *lễ mở phủ* và *sang khăn áo cho đồng tân*, do *đồng thầy* đảm đương. Sau đó là *lễ trình đồng* của đồng tân.

Với lễ mở phủ, đồng thầy vẫn theo đúng những nghi thức bình thường, duy các giá hàng *Quan lớn phải chứng sớ, chứng mã nhiều hơn* (nghĩa là các quan làm việc quan nhiều hơn những lễ hầu khác). Phổ biến, QUAN LỚN ĐỆ NHẤT *chứng đàn rồi mở phủ Đệ Nhất và phủ Đệ Tam*. QUAN LỚN ĐỆ NHỊ cũng mở chéo như thế với *phủ Đệ Nhị và phủ Đệ Tứ*. QUAN LỚN TUẦN TRANH *tiến đàn*. Đồng thầy ngồi hầu cho đến giá CHÂU BÉ. *Châu Bé sang khăn áo và làm phép* cho đồng tân(8). Kể từ đây, đồng tân chính thức là người có đồng.

Kể đó, đồng tân thực sự ngồi đồng theo đúng lễ nghi và trình tự của một buổi hầu bóng căn có, nghĩa là cung thỉnh mời từ *Đệ Nhất Thiên Tiên* cho đến *Cậu Hoàng*. Lúc này, đồng thầy trở lại phận sự trần tục, ngồi phía sau đồng tân để van vái, khẩn cầu các thánh (cũng hàm chứa chức năng hướng dẫn cho đồng tân).

2. Ca nhạc trong hầu bóng

2a/ Bài bản

Lễ hầu bóng sử dụng nhiều hình thức ca nhạc, phục vụ hữu hiệu cho từng nội dung lễ

1. Thực ra, khởi thủy là *Tứ vị Châu Bà*: Châu Đệ Nhất Thượng Thiên, Châu Đệ Nhị Thượng Ngàn, Châu Đệ Tam Thoải Phủ, Châu Đệ Tứ Khâm Sai.

2. Người ngồi đồng trùm đầu che mặt bằng một chiếc khăn rộng màu đỏ. Khi thánh nhập, sau khi báo hiệu liền đưa tay giắt khăn khỏi đầu, tung xuống chiếu.

3. Trần Triều: những danh nhân đời Trần hiển thánh, đứng đầu là *Trần Hưng Đạo* (1232-1300) cùng lục bộ Đức Ông, nhị vị Thánh Cô và Cô Bé Cửa Suốt.

4. Ngũ hổ trấn 5 phương. Mỗi ông một màu lông, trấn một phương.

5. Đôi Ông Xà: Bạch Xà, Hoàng Xà.

6. Có khi, khá hiếm, thanh đồng tin chủ còn thỉnh cô cậu gia tiên 2 bên nội ngoại của mình.

7. Nếu không lập điện riêng, thanh đồng phải theo một điện nào đó, thường là theo về chốn tổ.

8. Thông lệ, lễ tiết sang khăn áo cho đồng tân đều do các *Châu Thượng Ngàn* thực hiện. Các Châu Thượng Ngàn giàu có như lá rừng. Hàm ý các Châu sẽ ban cho đồng *lộc rơi, lộc vãi* dồi dào như của cải trên ngàn. Tuy việc đồng tân *sát căn* châu nào thì thỉnh châu đó, có thể là Châu Đôi, Châu Lục, Châu Bé... làm việc này.

tiết nhất định gọi chung là *hát văn* hoặc *chầu văn*. Ca nhạc trong hầu bóng quả là sự hội nhập đa dạng của nhiều phong cách, nhiều thể loại, vừa đối chọi, vừa ăn ý nhịp nhàng, tuân theo sự vận động nội tại của từng giá đồng để hài hòa cân đối trong toàn cảnh hào hứng của cuộc hầu.

Trước hết phải kể đến *văn thờ*. Văn thờ để *kiều thỉnh* thánh. Những bản văn thờ là sáng tác của những nhà thơ bình dân, chủ yếu là của cung văn, pháp sư, một ít là của thanh đồng và của con nhang đệ tử. Mang tính chất chung của folklore, mỗi bản văn thờ thường có dị bản (cả mặt văn học lẫn cách diễn xướng) (1).

Văn thờ, tính chất trang trọng. Thủ pháp chính là kể và tán (về thân thế, uy linh của thánh và xưng tụng, cầu xin). Phổ biến, văn thờ thể thơ lục bát, song thất lục bát hoặc thể 2 câu văn bằng tiếp theo 2 câu văn trắc, hiệp vận với nhau theo từng cặp.

Trong từng giá đồng, phân *nâng bóng* rộn ràng hơn cả. Đặc biệt phần chấn là những khi thánh múa và khi thừa nhân. Góp phần đắc lực cho những lúc ấy, đầu tiên là vai trò của ca hát. Hát văn đã xâu chuỗi 1 cách thông minh, đặc địa những điệu hát, điệu hò dân dã, như dân ca vùng đồng bằng Bắc Bộ (Sa mạc, Bông mạc...), hò Nghệ, hò Huế... các điệu Xá (phong cách dân ca của vài dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc hoặc ảnh hưởng dân ca Xê Đăng-Tây Nguyên). Hát văn cũng thu vào mình nhiều lối hát của 1 số kịch chũng khác, như *Chèo* (Phú đầu, Luyện tam tầng...), *Tuồng* (Tẩu, Khách, Kiều dương thượng...), *Cải lương* (Quảng - phong vị dân cả Quảng Đông, Trung Quốc). Cần phải kể đến sự vay mượn nhiều bản nhạc thính phòng dân gian như Lưu thủy, Hành vân, Ngũ đối, Kim tiền, Bình bán... và các lối hát của phong lưu tài tử như *Ca trù* (Hát nói, Thống, Đọc thơ, Đọc phú...). Đây là chưa kể thêm lối *tụng kinh* của nhà Phật, lối *đọc canh* của thầy cúng, lối *sai* của thầy phù thủy...

Lời ca để nâng bóng dùng nhiều thể thơ. Ví như khi *thư hương* hoặc *khai quang*, có thể là thơ 5 chữ (ngũ ngôn), khi *sai đầu thỉnh phù*, có vài trường hợp là thể tứ lục biến cách, khi *chèo đờ*, câu thơ 4 chữ...

Ca nhạc khi *tiễn biệt* các thánh, tuy không nhiều về, nhưng rất có hiệu quả, vừa tạo được không khí lâng lâng, vừa lưu luyến, vừa cung kính, vừa ngậm ngùi khi chia tay với một vị ân sủng và thân thương, mà không làm nhạt tính chất thiêng liêng.

Khi viên mãn cuộc hầu, là bài *hát tạ*, như sự trải rộng tâm linh thanh thản vì được giải tỏa những vướng mắc tinh thần (2).

2b/ Các loại nhịp cơ bản của ca nhạc hầu bóng.

- NHỊP MỘT, loại nhịp được dân gian cho là nền tảng của các loại nhịp khác: *nhịp 7*, *nhịp 3*, *chẳng qua nhịp 1* (khẩu ngữ). Dùng nhịp một cho các điệu Nhịp một, Xá bằng, Chèo đờ, Bỏ bộ...

- NHỊP ĐÔI, còn gọi là nhịp đếm kẹo hoặc nhịp bỏ thóc. Nhịp có nhiều biến thể từ *nhịp khuôn* sang *nhịp lẫn*. Dùng nhịp đôi cơ bản cho Miếu nhịp đôi và dùng nhịp đôi đặc biệt cho Dọc, Cờn, Hãm, Văn, Luyện tam tầng. Vì tính chất nghiêm trang của loại nhịp này, nên nó được dùng cho đa số các bản Văn thờ. Nên biết, Văn thờ thay cho cả một khoa cúng. Vậy Văn thờ là khoa cúng theo văn vẻ. Cũng vì thế nhịp vui nhộn không dùng được cho Văn thờ. Nhịp đôi có thể đánh nhịp đúp (4 tiếng).

1. Không kể việc thay chữ đổi câu, do ý thích của cung văn. Chính vì hiếm khi người ta cho nhau nội dung bản văn (nhất là với người cùng nghề hát văn) cung văn phải học lỏm, học một thành ra chữ tác đánh chữ tộ nên nhiều câu lủng củng, thậm chí vô nghĩa. Có thể thấy điều đó qua một số bản văn được chép lại in thành sách.

2. Cung văn nào đàn hát có CHẤT Tứ Phù thì mới được sự ưa chuộng (và thừa nhận) của các ông đồng, bà đồng và con nhang đệ tử.

Những cung văn có tiếng ở vùng Hà Nội:

1/ Ông Kiêm, Ô. Bạt, Ô. Du, Ô. Hoạch - những người hát lẽ lối, nghiêm túc

2/ Ông Cao, ô. KI, ô. Ninh, ô. Tuất

3/ Ông Dang, bà Ngọc Bảo, bà Chèo, ô. Duyệt, bà Ti.

- NHỊP BA, gồm nhịp ba cơ bản và nhịp ba biến thể. Dùng cho Miếu nhịp ba, Thông, các loại Phú, Kiều dương thượng, Kiều dương hạ. Cũng có thể dùng nhịp ba cho múa và vài bản Văn thờ.

- NHỊP PHỤ ĐỒNG, gấp gấp kiểu trống giục, trống đời.

- NHỊP SAI, dồn dập, sai khiến

- NHỊP XÁ THƯỢNG, có nhịp cơ bản và nhịp biến thể (*nhịp phi, nhịp lẫn*), rất giống *nhịp một*, nhưng khác về mặt âm sắc nhờ gõ vào thành của cảnh và thanh la, riêng thanh la đặt giữa trên mặt trống, trong lòng thanh la có để mấy đồng xu.

Nhịp Xá thượng chỉ dùng cho các giá thượng, trong đấy cũng chỉ dùng cho các giá nữ mà thôi.

2c/ Làn điệu

Tự trung, hát văn gồm 6 nhóm làn điệu chính:

- Nhóm Bỉ

- Nhóm Dọc

- Nhóm Cờn

- Nhóm Phú

- Nhóm Xá

- Nhóm Nhịp một

+ CÁC ĐIỆU BỈ cấu trúc tự do, tính chất ngâm ngợi. Chất liệu:

- Dân ca đồng bằng Bắc Bộ: Bỉ Bồng mạc, Sa mạc

- Quan họ: Đường trường chim thước (Chèo cũng dùng điệu này)

- Cung Bắc, dịp một: Hiến tửu, Tì bà

Các điệu Bỉ thường ngắn (1 cặp lục bát hoặc 1 cặp song thất lục bát, tiếp đến 1 cặp lục bát). Đôi khi nó cũng dùng cho bài dài (ngâm thơ, như các bản Thiên Thai).

Điệu Bỉ thường dùng hát phần đầu các bản Văn thờ (Văn Công đồng, Văn Mẫu, văn Ông Hoàng, Văn Cô, Văn Cậu) hoặc để chuyển điệu khi chuẩn bị thay đổi phần việc của giá đồng (múa, ẩm tửu, dâng thuốc). Cách xử lý điệu Bỉ khá phong phú, ví dụ khi Đọc Thơ

thì điểm đàn, dập phách. Sử dụng nhịp một thì nhịp ngoại trước và đánh nhịp quạt lại. Khi dùng đệm cho Tì Bà thì tiếng đàn nguyệt nghe như tiếng đàn đáy.

Điệu Bỉ chỉ hát đơn. Nếu có 1 cặp cung văn thì mỗi người hát 1 câu. Sau mỗi câu thường có dạo đàn và dục phách.

+ CÁC ĐIỆU DỌC, nhịp đôi. Âm nhạc khúc chiết. Thường để mô tả cốt cách đỉnh đàng của vị thánh nào đó.

Điệu Dọc dùng thể thơ lục bát. Cấu trúc âm nhạc dùng 2 câu vay trả. Phương thức này khá phổ biến về cách xử lý câu thơ thành câu hát trong âm nhạc cổ truyền Việt Nam (ví dụ Xẩm xoan, Hát sấp...). Ở điệu Dọc cũng vậy, thường hát bắt đầu 4 tiếng cuối của câu lục, rồi hát tuần tự trọn vẹn từ đầu cả cặp lục bát đó. Kiểu xử lý như vậy gọi là *kiểu đảo*. Rất nhiều ví dụ cho kiểu này.

Thường dùng điệu Dọc cho các giá Quan lớn, ông Hoàng, Cô (miền xuôi), Cậu.

Điệu Dọc có thể hát đôi.

Sau mỗi câu Dọc, có đoạn nhạc lưu không.

+ CÁC ĐIỆU CỜN, thường nhịp đôi, gồm Cờn Xuân và Cờn Oán

- Cờn Xuân: Tự sự, trữ tình, mượt mà

- Cờn Oán: kể lể, trầm, ai oán.

Lời thơ điệu Cờn dùng 2 thể: lục bát và song thất lục bát.

- Nếu thơ lục bát, hát tuần tự từ cặp lục bát thứ nhất rồi đến câu lục của cặp tiếp theo. Sau đó nhắc lại trọn vẹn câu lục ấy. Như vậy mỗi khổ gồm 3 câu thơ liên tiếp (1).

- Nếu thơ song thất lục bát, hát tuần tự trọn vẹn cặp song thất và cặp lục bát. Sau đó hát tiếp câu thứ nhất của cặp song thất tiếp nối, rồi hát nhắc lại trọn vẹn câu ấy. Như vậy, mỗi khổ gồm 5 câu song thất lục bát tuần tự. Kiểu hát này gọi là *gối khổ*.

1. Có thể hát Cờn câu thơ lục bát bằng cách, hát hết cặp lục bát thứ nhất, rồi hát mượn thêm 2 tiếng đầu của câu lục tiếp theo. Đến cặp lục bát tiếp theo, cũng xử lý tương tự.

Do lối kết cấu mở, nên có thể hát điệu Cờn với thời gian tùy ý.

Các điệu Cờn dùng hát cho các giá Cô (vùng xuôi), và Văn thờ, nhất là Văn thờ các giá Mẫu.

Điệu Cờn có thể hát đơn, hoặc nhiều người cùng hát.

+ CÁC ĐIỀU PHÚ, nhịp ba, dùng nhiều nhịp ngoại (đảo phách, nghịch phách).

Tính chất tự do, chậm, ngâm ngợi, thanh tao.

Mỗi khổ Phú thường dùng 4 câu song thất lục bát.

Sau cặp song thất hoặc sau mỗi khổ có điểm trống.

Thường dùng các điệu Phú cho các giá uy nghi: Mẫu (1), Trần Triều và các giá thuộc hàng Quan lớn. (Chú ý, riêng Quan lớn Tuần Tranh lại dùng Thơ, vì Quan Tuần gần hàng các Ông Hoàng. Với các Ông Hoàng thì dùng Thơ).

Các điệu Phú chỉ hát đơn. Nếu có cặp hát thì mỗi người hát 1 câu hoặc mỗi người hát trọn 1 khổ.

+ CÁC ĐIỀU XÁ nhanh vui, linh hoạt, tự do.

Nhịp điệu tương tự Nhịp một nhưng có âm sắc đặc biệt nhờ cách xử lí như đã nói ở trên nên tiếng trống hơi đục, tiếng cảnh và thanh la cũng mang tinh thần mới.

Hát các điệu Xá theo lối gối khổ như các điệu Cờn với 3 câu ở thể lục bát, hoặc với 5 câu ở thể song thất lục bát. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng bắt buộc như vậy, có thể hát 1 khổ 4-5 câu lục bát hoặc 3 câu thể song thất lục bát cũng được.

Thường dùng các điệu Xá cho các giá miền núi.

Sau mỗi khổ hát thường có khổ đàn lưu không.

Vì các điệu Xá tự do và rất linh hoạt, nên chỉ hát đơn. Nếu có cặp hát thì giữa họ phải thật hiểu nhau mới hát ăn ý được.

+ CÁC ĐIỀU NHỊP MỘT, vui, rộn ràng, mạnh.

Các điệu Nhịp một chỉ dùng thể thơ lục bát, thường xử lý câu lục bát theo kiểu vay trả (đảo) tương tự như các điệu Dọc. Cũng có thể hát trọn câu.

Thường dùng cho các điệu Nhịp một cho múa, ví dụ: múa lượn, hoặc khi chúc rượu (giá cậu). Ngoài Nhịp một đơn, còn có nhịp một đúp.

3. Dàn nhạc

Gồm 2 nhóm, đảm trách 2 chức phận: tiết tấu và giai điệu

3a - Giũ nhịp

+ Phách, trống ban, cảnh đồng. Ngoài ra còn có chuông, mõ, thanh la, trống cái, trống cơm, trống bông, song loan, chiêng hoặc chuông to. Đó là những nhạc cụ không định âm, ngoài việc tăng thêm sự phong phú, hài hòa về màu âm, nó còn mang ý nghĩa sâu sắc thể hiện tính cách, hoàn cảnh, không khí từng giá đồng và từng lễ tiết của tín ngưỡng. Ví dụ cách đặt ngựa thanh la ở trên mặt trống như đã mô tả cho ta lĩnh hội được tiếng vang vọng trong rừng núi. Các điệu Xá có thêm tiếng mõ càng thắc thỏm, nếu kèm thêm tiếng sáo phụ họa thì càng gợi cảm.

+ Thông thường 1 buổi hầu có 2 cung văn. Một người hát và người kia đàn. Người hát đảm đương việc giữ nhịp. Phách, cảnh, trống ban đảm chức phận đó. Nếu như có thêm 1 người nữa sử dụng chuông, mõ (gọi là tay chuông, tay mõ) thì người hát được đỡ việc. Nếu không, người đó phụ trách luôn cả 2 nhạc khí này. Những buổi hầu lớn, dùng đến chuông to (hoặc chiêng) và trống cái thì cần thêm 2 người nữa, mỗi người tấu riêng từng nhạc khí đó.

+ Bộ gõ trong biên chế dàn nhạc nhỏ trong hầu bóng thường sử dụng 3 dùi: 2 dùi đánh phách, 1 dùi đánh cảnh, hoặc 2 dùi đánh trống, 1 dùi đánh thanh la.

1. Cho khi hát thờ

3b- Phụ họa

+ Đàn nguyệt (quần tử cầm) (1) là đàn chủ chốt cho hát văn. Ngày xưa, đàn nguyệt có 4 dây. Ngày nay đàn nguyệt chỉ có 2 dây: dây trầm (còn gọi là *dây trong*, hoặc *dây tồn*) và dây cao (còn gọi là *dây ngoài* hoặc *dây tang*).

Đàn nguyệt có 4 kiểu lấy dây:

- *Dây bắc*: dây trầm cách dây cao một quãng 5 đúng.

- *Dây oán*: dây quãng 4 đúng (2).

- *Dây tổ lan*: dây quãng 7 thứ

- *Dây song thanh*: dây quãng 8

Âm điệu *dây bắc* cho các giá vui, uy nghi, hùng tráng.

Âm điệu *dây oán* cho các giá trang nghiêm và khi buồn oán than.

Âm điệu *dây tổ lan* thích hợp với khi điệu dang.

Âm điệu *dây song thanh* nghe như tiếng vọng, có khả năng đáp ứng nhiều cung bậc tình cảm, nhiều góc độ tâm trạng.

+ Nếu có điều kiện tăng màu sắc cho giai điệu thì lần lượt ưu tiên cho các nhạc cụ sau: sáo trúc, thập lục, nhị.

Nhị (hoặc hồ) chỉ thích hợp với giá Thoải, Mấu Thoải, Châu Thoải đều buồn, trừ giá có Bơ Thoải.

Sáo (hoặc tiêu), khả năng đáp ứng rộng hơn, thích hợp nhất cho các giá nữ thượng và khi kiêu Phú, kiêu Thơ.

+ Nếu biên chế tối giản, chỉ mỗi cung văn, thì:

- Hoặc miệng hát, tay đàn (đàn nguyệt), chân đập nhịp vào cảnh đồng.

- Hoặc miệng hát, tay đánh phách, cảnh đồng, trống, chuông, chân đập nhịp bằng song loan.

Trong đó chân đập nhịp bằng song loan ưa chuộng và thuận tiện hơn cho cả 2 kiểu trên.

Mặt khác, thường thường vẫn có tay chuông, tay mõ (do con nhang đệ tử làm công

đức) đỡ việc cho cung văn để thêm vui đến vui phủ.

4. Nâng bóng

Trong từng giá *tỏa bóng* hơn cả là khi *múa* và khi *thừa nhân*, dạng khiến cho *đồng sang*, *bóng lịch sự*.

4a/ Múa

Với các thánh nam:

+ *Múa binh khí*, có các giá hàng Quan Lớn: kiếm, song kiếm, kích, đại đao, cung, chùy. Riêng múa kiếm và cờ, cho giá Quan Hoàng Triệu (và Châu Mười).

Thường dùng âm nhạc Nhịp ba, Lưu thủy, Đọc Phú, Dồn.

Đệm trống và thanh la.

+ *Múa song hèo*, cho các giá hàng Ông Hoàng và giá Cậu

Thường dùng Lưu thủy, Nhịp một, Bỏ bộ, Bỉ, Thơ...

+ *Múa sư tử*, *múa lân* cho các giá Cậu Quận.

Thường dùng Nhịp một, Bỏ bộ

+ *Múa võ tay không* (quyền), *múa khăn*, cho các giá Cậu.

Nhạc lưu thủy.

Đệm trống, thanh la.

+ *Múa đi ngựa*, *bắn cung* cho các giá Cậu. Nhạc đi ngựa tương tự nhạc múa lân (nhịp một). Khi Cậu bắn chim, điệu Đường trường bắn thước.

Với các thánh nữ

+ *Múa cặp mồi* (*song dâng*), *quạt*, *cặp quạt*, *cặp bơi chèo* (3), *múa tay không*, *hái hoa*, *dệt gấm thêu hoa*, *khóc lẳng hoa*, *quẩy gánh hái chè* (cô Chín đôi chè), *quay tơ dệt lụa* (cô Sáu đôi dâu), *bắt ốc* (châu Mười Đồng Mỏ), *múa*

1. Nguyễn Hàm, sống khoảng cuối thế kỉ thứ 4, đời Tấn, chế ra đàn nguyệt.

2. Dây bắc còn gọi là *dây bằng*. Dây oán còn gọi là *dây lịch*.

3. Có thể thay bơi chèo bằng dải lụa. Vẫn đàn hát và múa điệu Chèo đờ.

bất rần (Hồng Nương, Quế Nương) dùng cho các giá nữ thượng.

Thường dùng điệu Xá thượng.

Đệm sáo, cảnh, trống, mõ.

+ Múa *chèo đò, dệt gấm, quạt, lụa (khăn), hái hoa*, dùng cho các giá nữ miền xuôi(1).

Thường dùng các điệu Nhịp một, Bỏ bộ.

+ Các giá đều múa *khai quang*. (Đặc biệt, giá Quan Lớn Đệ Nhất chỉ múa khai quang chững đần mà thôi). Múa khai quang, nhịp Sai, hát Sai.

4b/ *Thừa nhân*

Trừ các giá Mầu chỉ giáng mà không nhập, còn các giá có giáng và nhập thì khi làm việc thánh xong cũng có lúc được thừa nhân.

Lúc ấy, rước Quan Lớn nghe văn (Phú), rước Ông Hoàng, Cậu Hoàng nghe Thơ. Rồi những lúc Quan Hoàng đề thơ, Cậu Quận đề thơ, Cậu Quận đánh cờ, Cậu đánh tổ tôm... cung văn đều dâng Thơ, dâng Phú. Những lúc này, các vị thánh chăm chú nghe hơn cả, thậm chí các Ngài còn đòi hỏi cung văn việc đó. Hát hay, đàn ngọt, lúc ấy được thánh ban khen nhiều nhất.

Trong đó thường dùng các áng thơ phú nổi tiếng của cổ nhân với nội dung thích hợp. Ví dụ hát trích *Ti bà hành* của Bạch Cư Dị (cho Quan Lớn Tuần Tranh), *Hương Sơn hành trình* của Chu Mạnh Trinh (cho giá Ông

Bơ Thoải) *Thiên Thai* của Tào Đường (cho giá Ông Hoàng Mười).

Tóm lại, ca nhạc trong hầu bóng là để:

1. Thay cho cả 1 khoa cúng, đó là dâng Văn thờ.

2. Ngồi hầu bao giờ cũng cần được nâng bóng để tỏa bóng. Nếu chỉ triệu thỉnh được thánh về nhưng rút cuộc nếu *khê đồng, cháy đồng* thì buồn lắm. GHẾ của thánh ngồi trở như khúc gỗ, hoặc điệu bộ cứng ngắc thì 1 phần vì không nâng được bóng. Nhiệm vụ của cung văn phải trở hết tài nghệ cho từng lễ tiết, từng chặng để *bốc đồng*.

3. Qua lời hát của cung văn, làm hiện lai lịch, hành trạng, tính cách, diện mạo (và uy linh) của từng vị thánh. Đó là thủ pháp rất hay cho tín ngưỡng.

4. Đệm cho múa cùng các vị thế, động tác (cũng có giá trị như múa) và các nghi thức khác theo trình tự từng chặng, từng lớp của từng giá và của tổng thể cuộc hầu.

5. Nâng bóng không chỉ làm tăng vẻ uy nghi, linh thiêng của thánh mà còn để làm vui cho thánh. (Con nhang đệ tử chỉ là được ghé thừa huệ, nghe nhờ thánh để được vui lây). Hẳn rằng sau khi thánh xa giá hồi cung, vẫn còn lưu luyến cái vui khi giá ngự về bản đền đây.

1. Châu Bơ Thoải không múa.